

Bản án số: 42/2017/DSPT

Ngày: 19/ 07/ 2017

*V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Văn.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Xuân Hải

Ông Nguyễn Văn Tính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 07 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 35/2015/TLPT-DS ngày 09/4/2015 về “ Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2015/DSST ngày 13/02/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh bị kháng cáo, kháng nghị. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2016/QĐ-PT ngày 19/12/2016 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1936. (có mặt)

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1959 (có mặt)

Bà Nguyễn Thị NH, sinh năm 1963 (có mặt)

Ông Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1965 (có mặt)

Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1972 (có mặt)

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị T, sinh năm 1945 (vắng mặt)

2. NLQ2 (vắng mặt)

3. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Trọng T (chết ngày 15/5/2017): NLQ 1 (vắng mặt)

Các đương sự đều trú tại: Khu Bồ Sơn, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Ông NLQ1, NLQ 2 đều ủy quyền cho bà M.

4. UBND thành phố Bắc Ninh do ông Nguyễn Song H – Phó Chủ tịch UBND thành phố Bắc Ninh đại diện theo ủy quyền của ông Trần Đức Điện - Chủ tịch UBND thành phố Bắc Ninh. (văn bản ủy quyền số 2811/UQ – CT ngày 15/11/2016) (vắng mặt)

*Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Trọng T, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị NH, ông Nguyễn Văn Đ2, bà Nguyễn Thị Y.

*Kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà và ông Nguyễn Hoài G là vợ chồng, ông bà có thửa đất số 75, tờ bản đồ số 3, diện tích là 293m<sup>2</sup>, tại xóm 1, khu Bồ Sơn, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh. Nguồn gốc đất là của các cụ để lại. Năm 1998, vợ chồng bà được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà là Nguyễn Thị M. Đến năm 2006, gia đình bà đã chuyển nhượng 80m<sup>2</sup> trong số 293m<sup>2</sup> cho bà Nguyễn Thị P ở cùng khu Bồ Sơn, số diện tích còn lại là 213m<sup>2</sup> bà chưa sử dụng thì vợ chồng anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị NH đã đổ đất lấn chiếm khoảng 90m<sup>2</sup> để làm nhà trọ cho thuê. Số còn lại thì vợ chồng anh Nguyễn Văn Đ2 và chị Nguyễn Thị Y lấn chiếm của bà khoảng 122m<sup>2</sup>. Bà đã yêu cầu về việc ông Đ, bà NH và ông Đ2, bà Y trả lại cho bà nhưng ông Đ, bà NH, ông Đ2, bà Y không trả. Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 3, diện tích là 293m<sup>2</sup> có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn T, ông T được hưởng thừa kế của bố mẹ là cụ Nguyễn Văn Tám và cụ Nguyễn Thị S. Ông T đi bộ đội năm 1946 và đã hy sinh năm 1949, giấy tờ nguồn gốc thửa đất của ông T đã bị thất lạc không còn ai giữ. Khi ông T hy sinh ông chưa có vợ con.

Khi có giấy báo tử của ông T thì địa phương, chi bộ thôn Bồ Sơn và chính quyền xã Võ Cường kết hợp với dòng họ nhà bà hợp thống nhất thửa đất của ông T giao cho bà được hưởng để làm nơi thờ cúng (ông T là liệt sĩ và cụ S là bà mẹ Việt Nam anh hùng), vì bà là dòng họ nội tộc bên chi nhà ông T, cụ S (có sơ đồ phát triển dòng họ Nguyễn Văn). Sau khi hợp họ xong căn cứ vào biên bản hợp họ và xác nhận của địa phương, bà có làm đơn đề nghị UBND cấp trên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà.

Đến năm 1998, sau nhiều lần xem xét hồ sơ thửa đất trên thì UBND thị xã Bắc Ninh đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà. Từ khi cấp giấy đến khi bà khởi kiện gia đình nhà ông Đ, ông Đ2 lấn chiếm đất của bà thì không có ai có đơn từ khiếu kiện gì về việc UBND thị xã Bắc Ninh cấp đất cho bà. Năm 2006 bà đã bán 80m<sup>2</sup> đất của thửa đất số 75, tờ bản đồ số 03 có diện tích là 293m<sup>2</sup> cho bà Nguyễn Thị P người cùng khu với gia đình nhà bà. Kể từ khi bà bán 80m<sup>2</sup> đất cho bà P cũng không có ai khiếu kiện gì đối với bà và bà P.

Khi bà thấy ông Đ, ông Đ2 làm lên phần đất của bà, bà có báo ông Nguyễn Văn Tư là chủ nhiệm hợp tác xã lúc đó, ông Tư có ra yêu cầu ông Đ, ông Đ2 làm lùi lại đất của ông Đ, ông Đ2 nhưng ông Đ và ông Đ2 vẫn cố tình làm. Sau đó ông Đ có nói với bà là sẽ nói chuyện với bà, sau này bà thấy ông Đ, Đức lại làm nhà trên đất của bà bà có gặp và nói thì ông Đ có hứa là giải quyết tình cảm với bà, bà đợi thì không thấy nói gì. Đến tháng 11/2012 bà có gặp ông Đ thì ông Đ có nói với bà là ông cứ ở, bà muốn đi đâu kiện thì đi. Do vậy bà đã báo với dòng họ và chính quyền địa phương về việc ông Đ, ông Đ2 lấn chiếm đất của bà. Ông Hiệp là trưởng họ và ông Bình cùng với UBND phường đã giải quyết nhưng không được, tại UBND phường ông Đ có thừa nhận lấn khoảng 90,8m<sup>2</sup>. Đến ngày 31/7/2013 vợ chồng ông Đ có đến nhà bà gặp và đề nghị bà nhượng lại số đất đó với số tiền là 100.000.000 đồng nhưng bà không đồng ý và đã báo với chính quyền, nhưng chính quyền không giải quyết được. Do vậy bà đã khởi kiện ông Đ, bà NH và ông Đ2, bà Y yêu cầu trả lại đất cho gia đình nhà bà.

Cùng năm 1998 gia đình bà và gia đình ông Đ, ông Đ2 đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng thời điểm vì vậy không chồng lên nhau được. Quan điểm của bà M là yêu cầu ông Đ, ông Đ2, bà NH, bà Y, bà T phải trả lại phần đất 213m<sup>2</sup> các ông bà đã lấn chiếm của bà để bà làm nơi thờ cúng.

Ông Hoàng Văn S người đại diện cho ông Nguyễn Văn Đ bà Nguyễn Thị NH và ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị NH trình bày:

Thửa đất số 285, tờ bản đồ số 3 (bản đồ địa chính năm 1996) có diện tích 90,8m<sup>2</sup> hiện đang do gia đình ông quản lý sử dụng từ năm 1989 đến nay. Nguồn gốc thửa đất này có nguồn gốc là ao nhỏ của Hợp tác xã thôn Bò Sơn có diện tích là 293m<sup>2</sup>. Trước năm 1962 diện tích này do Hợp tác xã quản lý, sử dụng. Thời gian từ năm 1975 đến 1987, Hợp tác xã giao cho ông Nguyễn Khắc Toàn đầu thầu nuôi cá. Năm 1988 chính quyền địa phương và Hợp tác xã thôn Bò Sơn cho đầu thầu, do ao giáp danh với thửa đất của gia đình ông với ông Phách, nên ông và ông Phách đã trúng thầu. Năm 1989, hết hạn thầu nhưng do làm ăn kém hiệu quả nên không ai thầu nữa. Vì vậy mà gia đình ông vẫn tiếp tục sử dụng đến nay. Do nuôi cá không có hiệu quả nên gia đình ông đã san lấp tân tạo thành vườn cây ăn quả. Năm 2003, ông xây dựng nhà cấp 4 trên diện tích đất ao cũ và sử dụng đến nay. Trong suốt quá trình tân tạo đến khi hoàn thành không có ai có ý kiến gì, ông thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng thuế với nhà nước.

Năm 1998 khi đo đạc cấp giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cán bộ đo đạc cho biết “phần đất ao lấn chiếm từ năm 1992 sẽ được làm thủ tục cấp sau”, gia đình ông vẫn quản lý, sử dụng. Chính vì vậy việc đo đạc và cấp cho gia đình ông phần đất phía sau, nay thuộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 3, có diện tích là 281m<sup>2</sup>.

Đến khoảng tháng 8/2013 bà M mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến khu yêu cầu nộp thuế đất, khi đó ông mới được biết bà M được UBND thị xã Bắc Ninh (nay là Thành phố Bắc Ninh) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 75, diện tích 293m<sup>2</sup>, có vị trí đúng vào thửa đất số 285, diện tích 90,8m<sup>2</sup> của gia đình ông, bịt lại hoàn toàn lối đi của thửa đất gia đình ông đang

sử dụng. Tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay ông và bà NH chưa yêu cầu phần công sức tôn tạo ao. Ông và bà NH cho rằng diện tích đất mà bà M yêu cầu vợ chồng ông, bà trả lại là ông bà lấn chiếm của Hợp tác xã nên không đồng ý trả lại.

Quan điểm của ông, bà là: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M là sai quy trình do pháp luật quy định, vấn đề thừa kế không hợp pháp, bà M có hành vi gian dối khi khai báo. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà M không đúng hình thức quy định của pháp luật. Nội dung trích lục của thửa đất phải thể hiện được tỷ lệ vẽ, số hiệu tờ bản đồ trích lục, diện tích, hình thể đường ranh giới, kích thước các cạnh, tứ cận. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà M.

Ông Nguyễn Văn Đ2 và bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Vợ chồng ông, bà có 01 ngôi nhà trước mặt là cái ao nhỏ của ông Nguyễn Văn Vông đã công hữu vào Hợp tác xã. Do diện tích sử dụng của gia đình chật hẹp nên ông đã tân lập cùng bà Vinh năm 1992 để sử dụng, từ khi san lấp sử dụng ông chưa có điều kiện trả tiền đền bù cho tập thể. Khi nào địa phương có thu tiền bồi hoàn phần diện tích đất ông đã san lấp ao ông xin chấp hành nộp tiền bồi hoàn. Năm 2000, ông và bà Y đã chuyển nhượng 80m<sup>2</sup> cho bà Lê Thị T và xây nhà 3 tầng trên phần diện tích đất ao ông tân lập tiếp giáp với đường đi.

Bà Lê Thị T là người mua đất của ông Nguyễn Văn Đ2 và bà Nguyễn Thị Y đã được Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm triệu tập nhiều lần song không đến làm việc cũng như không ký nhận các thông báo, quyết định của Tòa án.

Đại diện UBND thành phố Bắc Ninh trình bày nội dung thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Tại khoản 4, mục 1.2.4 phần II, thông tư số 346/TT-TCDC ngày 16/3/1998 về hướng dẫn thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quy định gồm: Đơn xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bản sao bản đồ địa chính; hồ sơ kỹ thuật thửa đất, biên bản xác định danh giới (đối với phường và thị trấn); biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất cấp xã.

Năm 1998, UBND thị xã Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận cho hộ ông Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn Đ2, bà Nguyễn Thị M, tại thời điểm đó Võ Cường đang là xã. Như vậy quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thời điểm năm 1998 cho hộ bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn Đ2 là đúng quy định của pháp luật.

Ông Đ cho rằng đất cấp cho bà M chồng lên đất của gia đình nhà ông, hiện đang có nhà cấp 4 đang ở: Năm 1998, UBND thị xã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình tại thôn Bồ Sơn, xã Võ Cường gồm hộ ông Nguyễn Văn Đ2, thửa đất số 72, tờ bản đồ số 03, diện tích là 317m<sup>2</sup>; hộ bà Nguyễn Thị M thửa đất số 75, tờ bản đồ số 3, diện tích là 293m<sup>2</sup>; hộ ông Nguyễn Văn Đ thửa đất số 71, tờ bản đồ số 03, diện tích là 281m<sup>2</sup>. Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bản đồ địa chính đo đạc năm 1996 thì đất của bà M không chồng lên đất của ông Đ. Ông Đ khi đó chưa xây dựng nhà

cấp 4, vì vậy ông Đ kiến nghị đất cấp cho bà M chồng lên đất của ông là không có căn cứ.

Về việc đất cấp cho bà M đã lấp lối đi của gia đình ông: Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 03 hộ đúng theo quy định của pháp luật thì việc không có lối đi sẽ giải quyết theo Điều 275 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định.

Việc ông Đ kiến nghị cấp mất lối đi của em trai ông là ông Đ2: Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 03 hộ đúng theo quy định của pháp luật thì việc ông Đ trình bày là không đúng.

Năm 1998, Ủy ban nhân dân thị xã Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 03 hộ gồm: Bà M, ông Đ, ông Đ2, cả 03 thửa đất đều được thể hiện theo bản đồ đo đạc địa chính năm 1996. Thực hiện Quyết định số 1694 ngày 11/10/2004 về việc phê duyệt đầu tư đo đạc, chỉnh lý bản đồ và hồ sơ khu vực địa chính có biến động trên địa bàn tỉnh có nhiều thay đổi so với bản đồ năm 1996. Do vậy năm 2006 Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường - Sở tài nguyên đã thực hiện đo đạc, chỉnh lý bản đồ. Thửa đất số 72 bản đồ địa chính năm 1996 nay là bản đồ chỉnh lý năm 2006 là thửa số 282 và thửa số 75 bản đồ năm 1996 nay bản đồ năm 2006 là thửa đất số 283. Tại thời điểm đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính năm 2006, gia đình ông Đ và ông Đ2 có sự thay đổi về hiện trạng sử dụng đất. Tuy nhiên sự thay đổi này chưa được nhà nước công nhận bằng việc cấp Giấy chứng nhận theo hiện trạng của gia đình. Do đó việc sử dụng đất của 03 hộ gia đình vẫn thực hiện theo bản đồ địa chính đo đạc năm 1996.

Quan điểm của Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Ninh là việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ trong đó có hộ nhà bà Nguyễn Thị M là đúng và không đồng ý hủy việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M.

Từ những nội dung trên, bản án sơ thẩm đã căn cứ Điều 733, 265, 676 Bộ luật dân sự; Điều 105, 166, 202, 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 213, 217, 221, 232, 233, 236, 131 Bộ luật tố tụng dân sự;

Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Xác nhận thửa đất số 75, tờ bản đồ số 03 diện tích 213m<sup>2</sup> tại cụm 01, khu Bồ Sơn, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh là của hộ bà Nguyễn Thị M.

Giao cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị NH được quyền sử dụng 90,8m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 03 tại cụm 01 khu Bồ Sơn, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh có tứ cạnh như sau: phía Tây giáp nhà ông Hải Phương; phía Nam giáp đường ngõ; phía Bắc giáp nhà ông Đ, bà NH; phía Đông giáp nhà ông Đ2, bà Y nhưng phải có trách nhiệm trích trả cho bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Trọng T, ông Nguyễn Thái Dương, ông Nguyễn Trí Đạt, ông Nguyễn Đức Độ, ông

Nguyễn Giáp Dân, ông Nguyễn Đức May, bà Nguyễn Thị Kim Lan số tiền 601.677.120 đồng (sáu trăm linh một triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm hai mươi đồng).

Giao cho ông Nguyễn Văn Đ2 và bà Nguyễn Thị Y được quyền sử dụng 122,2m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 03 tại cụm khu Bồ Sơn, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh có tứ cạnh như sau: phía Đông giáp nhà bà Lê Thị T; phía Tây giáp phần đất giao cho ông Đ, bà NH; phía Nam giáp đường xóm; phía Bắc giáp nhà ông Đ2, bà Y nhưng phải có trách nhiệm trích trả cho bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Trọng T, NLQ2 số tiền là 809.746.080 đồng (tám trăm linh chín triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn không trăm tám mươi đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí xem xét thẩm định, định giá, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi Tòa án sơ thẩm xử, ngày 26/02/2015 bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Trọng T kháng cáo bản án sơ thẩm; ngày 13/02/2015 ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị NH, ông Nguyễn Văn Đ2, bà Nguyễn Thị Y kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm; ngày 27/02/2015 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh kháng nghị bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

Đơn kháng cáo của các đương sự và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh trong hạn luật định vì vậy cần được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Năm 1998, UBND thị xã Bắc Ninh cấp giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình tại thôn Bồ Sơn, xã Võ Cường gồm: Hộ ông Nguyễn Văn Đ2, thửa đất số 72, tờ bản đồ số 03, diện tích là 317m<sup>2</sup>; hộ bà Nguyễn Thị M thửa đất số 75, tờ bản đồ số 3, diện tích là 293m<sup>2</sup>; hộ ông Nguyễn Văn Đ thửa đất số 71, tờ bản đồ số 03, diện tích là 281m<sup>2</sup>. Theo bà Nguyễn Thị M trình bày, thửa đất số 75, tờ bản đồ số 03 có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn T được hưởng thừa kế từ bố mẹ ông là cụ Nguyễn Thị S. Ông

T hi sinh năm 1949, không có vợ con. Giấy tờ về nguồn gốc đất đã bị thất lạc. Sau khi ông T hy sinh, chính quyền xã Võ Cường đã cùng với dòng họ nhà bà M hợp và thống nhất thửa đất trên giao cho bà M được hưởng để làm nơi thờ cúng. Từ căn cứ trên bà M đã làm đơn đề nghị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đến năm 1998 thì được UBND thị xã Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó đến năm 2006 bà M đã bán 80m<sup>2</sup> đất của thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị Phương. Ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Văn Đ2 khi làm nhà có lấn chiếm sang phần đất của bà 213m<sup>2</sup>. Bà M khởi kiện yêu cầu ông Đ, ông Đ2, bà NH, bà Y phải trả lại phần đất 213m<sup>2</sup> các ông bà đã lấn chiếm của bà để bà làm nơi thờ cúng liệt sỹ. Ông Đ, bà NH, ông Đ2, bà Y cho rằng ông bà khi làm nhà có lấn chiếm nhưng diện tích đất lấn chiếm là của hợp tác xã chứ không phải đất của hộ bà M. Do đó các ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M. Bản án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND thị xã Bắc Ninh cấp số 00261QSDĐ/1253/QĐ-UB, các tài liệu còn lưu trữ về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và công văn trả lời của UBND thành phố Bắc Ninh để xác định thửa đất số 75, tờ bản đồ số 3 thuộc quyền quản lý sử dụng hợp pháp của hộ bà Nguyễn Thị M. Từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, giao cho ông Đ, bà NH được sử dụng 90,8m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 03 nhưng phải trích trả cho bà M số tiền 601.677.120 đồng, giao cho ông Đ2, bà Y được sử dụng 122,2m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 03 nhưng phải trích trả cho bà M số tiền 809.746.080 đồng.

Sau khi án sơ thẩm xử, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn kháng cáo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh có Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT ngày 27/02/2015 kháng nghị bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh theo thủ tục phúc thẩm. Xét nội dung kháng cáo, kháng nghị thì thấy:

Về tố tụng:

*Thứ nhất:* Tòa án không đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng. Ông Nguyễn Văn Tập là chủ nhiệm hợp tác xã giai đoạn 1988-1990 và ông Nguyễn Văn Thân nguyên là bí thư đảng ủy xã Võ Cường, kiêm trưởng ban chuyển đổi Hợp tác xã kiểu mới từ năm 1992-2000 đều xác nhận thửa đất bà M đang tranh chấp có nguồn gốc là đất ao của Hợp tác xã Bò Sơn cho gia đình ông Đ thuê nuôi cá. Việc giao thuê và thu nộp sản do tổ cá thực hiện. Ông Nguyễn Khắc Toàn là đội trưởng đội cá giống khu Bò Sơn xác nhận ông là người được giao phụ trách quản lý phần ao này, từ năm 1988 gia đình ông Đ thuê nuôi cá đến nay chưa giao lại cho ai sử dụng. Vì vậy, Viện kiểm sát thành phố Bắc Ninh cho rằng Tòa án sơ thẩm không xác minh, không đưa hợp tác xã thôn Bò Sơn vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập thì tại các bút lục (309 đến 314) đã tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Văn Tập nguyên Chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp thôn Bò Sơn và ông Nguyễn Văn Thân nguyên Bí thư đảng ủy xã Võ Cường. Tòa án cấp phúc thẩm cũng đã tiến hành xác minh tại địa phương thì năm 2000 Hợp tác xã nông

ng nghiệp thôn Bò Sơn chuyển đổi thành Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp thôn Bò Sơn và đến năm 2006 thì giải thể. Vì vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát về việc không xác minh, không đưa hợp tác xã thôn Bò Sơn vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ.

*Thứ hai:* Việc xác minh thu thập chứng cứ chưa bảo đảm theo quy định của pháp luật tố tụng. Theo bản đồ địa chính năm 1960, thửa đất 366 có diện tích 418m<sup>2</sup> là đất ao, bản đồ chỉnh lý năm 1996 thửa số 366 là thửa đất số 75, đến năm 1998 được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Nguyễn Thị M thửa số 75 là đất ở. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án chưa tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất là chưa đảm bảo quy định của pháp luật và quyền lợi của các đương sự. Xét thấy, tại Công văn số 292/CV- TN&MT ngày 10/12/2013 của phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Bắc Ninh (bút lục 208) trả lời ông Nguyễn Văn Đ thì quy trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà M được thực hiện theo Thông tư số 346/TT-TCĐC ngày 16/03/1998 của Tổng cục địa chính thì thời điểm đó Võ Cường đang là xã nên chỉ căn cứ vào: Biên bản xét duyệt của Hội đồng đăng ký đất cấp xã, đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản sao bản đồ địa chính, hồ sơ kỹ thuật thửa đất. Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành thu thập tài liệu do Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Bắc Ninh cung cấp thì tại sổ mục kê và bản đồ đo đạc năm 1996 thửa đất số 75, tờ bản đồ số 03, diện tích 293 m<sup>2</sup> tại thôn Bò Sơn, xã Võ Cường, thị xã Bắc Ninh tên người sử dụng đất là bà Nguyễn Thị M. Như vậy, theo hiện trạng tại thời điểm năm 1996 thửa đất đứng tên bà M là đất ở chứ không phải là ao như các đương sự đã trình bày. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh về nội dung trên là không có căn cứ chấp nhận.

*Thứ ba:* Việc xem xét thẩm định tại chỗ chưa bảo đảm. Các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện hồ sơ thửa đất và trích lục thửa đất số 75, tờ bản đồ số 3 có trong hồ sơ không ghi tứ cận của thửa đất. Quá trình điều tra xác minh chưa làm rõ tại cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để xác định tứ cận của thửa đất để xác định chính xác phần đất đang tranh chấp. Nhưng Tòa án sơ thẩm vẫn tiến hành thẩm định và đo vẽ (bút lục 205) là không đảm bảo quy định của pháp luật trong việc xem xét thẩm định tại chỗ và xác định chứng cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần tiến hành thẩm định đo đạc nhưng do phía bị đơn cản trở không hợp tác gây khó khăn cho việc thẩm định. Tại cấp phúc thẩm Tòa án đã tiến hành đo đạc thẩm định lại để xác định các cạnh cụ thể của thửa đất của bà M nhưng phía bị đơn không hợp tác không cho đo đạc mà chỉ cho đo đạc toàn bộ hiện trạng diện tích đất mỗi bị đơn đang quản lý sử dụng. Quá trình sử dụng đất từ năm 1998 đến nay các cạnh của các thửa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Đ và ông Đ2 đều thừa nhận không biến động chỉ trừ cạnh tiếp giáp với phần đất tranh chấp với bà M. Vì vậy, để có căn cứ xác định phần đất cụ thể ông Đ và ông Đ2 mỗi hộ quản lý sử dụng diện tích đất mà bà M đang khởi kiện là bao nhiêu cần lấy diện tích đất hiện trạng đo đạc lại tại Tòa án cấp phúc thẩm trừ đi diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998. Cụ thể, hộ ông Đ quản lý sử dụng là 410,4 m<sup>2</sup> – 281 m<sup>2</sup> =



129,4 m<sup>2</sup>. Hộ ông Đ2 quản lý sử dụng phần diện tích đất còn lại mà bà M khởi kiện là 213 m<sup>2</sup> – 129,4 m<sup>2</sup> = 83,6 m<sup>2</sup>.

Vì vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ tuy nhiên Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục thiếu sót trên và yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm trong việc thu thập chứng cứ.

Về nội dung:

Bản khai quyền thừa tự và các biên bản họp nội tộc lập ngày 05/05/1993, 08/11/1995 và ngày 27/2/1997 cho bà M được hưởng thừa kế là thửa đất ao do cụ S và ông T để lại. Cụ Sóng mất năm 1934, ông T hy sinh năm 1949 cách ngày lập biên bản họp họ khoảng 45 năm. Từ năm 1949 đến ngày 5/5/1993 thửa đất này không có ai trong gia đình bà M hay con cháu của ông T quản lý sử dụng. Theo bản đồ địa chính năm 1960 thì nguồn gốc thửa đất số 75 là ao không xác định chủ sử dụng. Trên thực tế thửa đất ao này được Hợp tác xã thôn Bồ Sơn quản lý sử dụng và thả cá giống từ năm 1975 (xác nhận của ông Nguyễn Khắc Toàn là đội trưởng đội cá giống). Đến năm 1988, Hợp tác xã thôn Bồ Sơn giao thầu cho gia đình ông Biêu (là bố ông Đ, ông Đ2) và ông Phách thả cá. Do thả cá không hiệu quả nên đến năm 1992 ông Đ, ông Đ2 và ông Phách đã tận tạo làm lối đi và ở từ đó đến nay. Khi xây dựng không ai có ý kiến gì và hàng năm các ông vẫn nộp tiền sử dụng phần đất ao đó. Quá trình ông Đ và ông Đ2 sử dụng từ đó đến nay thì hợp tác xã chưa giao lại cho ai.

Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh cho rằng trong bản khai quyền thừa tự đất, vườn và các biên bản họp họ nội tộc không thể hiện bà M được hưởng thừa đất, thửa ao nào, diện tích bao nhiêu mà chỉ ghi là “*Một mảnh đất hiện tại gia đình ông Biêu đang ở, phía đông giáp đất cụ Vông, đất trước nhà có 01 ao con đó là đất của chú Thị bà M, một mảnh kế bên cũng cùng một diện tích và một cái ao con tương tự, phía tây và bắc giáp đất của cụ xã Nghinh là của bố bà M*”. Từ đó không thể xác định được thửa đất bà M được hưởng thừa tự có phải là từ đất số 75 từ bản đồ số 03 hay không. Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù trong biên bản họp họ không thể hiện thửa đất, diện tích, kích thước giáp danh của thửa đất, tuy nhiên thông qua mô tả về thửa đất có thể xác định bà M được thừa tự một mảnh đất mà theo bản đồ địa chính năm 1960 là thửa số 366 diện tích 418m<sup>2</sup>. Căn cứ vào tài liệu do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bắc Ninh cung cấp cho Tòa án tại sổ mục kê và bản đồ chính lý năm 1996 thì thửa số 75, từ bản đồ số 03, diện tích 293 m<sup>2</sup> tên chủ sử dụng đất là bà Nguyễn Thị M loại đất là đất ở. Như vậy trước năm 1998 thời điểm hộ bà M và hộ ông Đ, ông Đ2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà M đã có tên trong sổ mục kê và bản đồ địa chính.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông Đ, bà NH, ông Đ2, bà Y đề nghị không chấp nhận đơn khởi kiện của bà M, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Trọng T về đề nghị Tòa án buộc hộ ông Đ và ông Đ2 phải trả ông bà bằng quyền sử dụng đất

chứ không phải bằng trị giá tiền. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình quản lý sử dụng từ sau năm 1998 đến nay gia đình ông Đ và ông Đ2 đã xây dựng các công trình trên đất, để đảm bảo sự ổn định cũng như giá trị sử dụng và quyền lợi của các bên đương sự Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M và buộc ông Đ, bà NH, ông Đ2, bà Y phải trả cho bà M và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bằng tiền tương đương với giá trị sử dụng đất là phù hợp. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bà M và ông T.

Theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị M, Tòa án phúc thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định và định giá lại tài sản. Kết quả xem xét thẩm định lại gia đình ông Đ quản lý sử dụng là 129,4 m<sup>2</sup>. Và gia đình ông Đ2 quản lý sử dụng phần diện tích đất còn lại mà bà M khởi kiện là 83,6 m<sup>2</sup>. Theo biên bản định giá tài sản ngày 13/4/2017 của Hội đồng định giá thành phố Bắc Ninh thì giá trị của thửa đất là 213 m<sup>2</sup> x 7.178.600 đồng/m<sup>2</sup> = 1.529.041.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự cần sửa án sơ thẩm. Cụ thể như sau: Ông Đ, bà NH được sử dụng diện tích đất là 129,4 m<sup>2</sup> một phần của thửa đất số 75, tờ bản đồ 03 tại cụm 1 khu Bồ Sơn, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh có tứ cận như sau: phía Tây giáp nhà ông Hải Phương; phía Nam giáp đường ngõ; phía Bắc giáp nhà ông Đ, bà NH; phía Đông giáp nhà ông Đ2, bà Y nhưng phải có nghĩa vụ trích trả cho bà M và những người có quyền nghĩa vụ liên quan số tiền là 129,4 m<sup>2</sup> x 7.178.600đồng/m<sup>2</sup> = 928.910.840 đồng. Ông Đ2, bà Y được sử dụng diện tích đất là 83,6 m<sup>2</sup> một phần của thửa đất số 75, tờ bản đồ 03 tại cụm 1 khu Bồ Sơn, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, có tứ cận như sau: phía Đông giáp ngõ đi vào nhà ông Đ2, bà Y (theo bản đồ năm 1996); phía Tây giáp phần đất giao cho ông Đ, bà NH; phía Nam giáp đường xóm; phía Bắc giáp nhà ông Đ2, bà Y nhưng phải có nghĩa vụ trích trả cho bà M và những người có quyền nghĩa vụ liên quan số tiền là 83,6 m<sup>2</sup> x 7.178.600 đồng/m<sup>2</sup> = 600.130.960 đồng.

Đối với việc ông Đ2 và bà Y có bán 80 m<sup>2</sup> đất cho bà Lê Thị T trong đó có một phần diện tích đất của bà M, Tòa án sơ thẩm không xem xét việc mua bán chuyển nhượng trên trong vụ án này. Mặt khác tại phiên tòa phúc thẩm bà M không yêu cầu khởi kiện đối với bà T, nếu ông Đ2, bà Y và bà T có yêu cầu sẽ giải quyết ở một vụ án khác là có căn cứ và đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự.

Về xem xét thẩm định và định giá tài sản:

Đối với khoản tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản tại Tòa án sơ thẩm bà Nguyễn Thị M xin chịu cả xét phù hợp với pháp luật cần chấp nhận.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bà M yêu cầu xem xét thẩm định và định giá lại tài sản. Số tiền Tòa án đã chi phí cho xem xét thẩm định là 13.187.000 đồng và định giá tài sản là 4.000.000 đồng. Xác nhận bà M đã nộp đủ số tiền trên. Do yêu cầu của bà được chấp nhận nên ông Đ, bà NH và ông Đ2, bà Y phải chịu lệ phí thẩm định và định giá tài sản tương đương với nghĩa vụ phải trích trả cho bà M và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Cụ thể như sau: Ông Đ, bà NH phải chịu 8.011.263 đồng tiền xem xét thẩm

định và 2.430.048 đồng tiền định giá tài sản. Ông Đ2, bà Y phải chịu 5.175.737 đồng tiền xem xét thẩm định và 1.569.952 đồng tiền định giá tài sản.

Ông Đ, bà NH phải trả cho bà M số tiền là 10.441.311 đồng.

Ông Đ2, bà Y phải trả cho bà M số tiền là 6.745.689 đồng.

Về án phí: Ông Đ, bà NH và ông Đ2, bà Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trích trả cho bà M và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hoàn trả bà M số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 265, Điều 676, Điều 733 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 105, 166, 202, 203 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

*Sửa bản án sơ thẩm.*

1. Xác nhận thửa đất số 75, tờ bản đồ số 03, diện tích 213m<sup>2</sup> tại cụm 01, khu Bồ Sơn, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh là của hộ bà Nguyễn Thị M.

Giao cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị NH được quyền sử dụng 129,4 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 03 tại cụm 01 khu Bồ Sơn, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh có tứ cận như sau: Phía Đông giáp nhà ông Đ2, bà Y; phía Tây giáp nhà ông Hải Phương; phía Nam giáp đường ngõ; phía Bắc giáp nhà ông Đ, bà NH nhưng phải có trách nhiệm trích trả cho bà Nguyễn Thị M, NLQ1, NLQ2 số tiền 928.910.840 đồng (chín trăm hai tám triệu chín trăm mười ngàn tám trăm bốn mươi đồng)

Giao cho ông Nguyễn Văn Đ2 và bà Nguyễn Thị Y được quyền sử dụng 83,6m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 03 tại cụm khu Bồ Sơn, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh có tứ cận như sau: phía Đông giáp ngõ đi vào nhà ông Đ2, bà Y(theo bản đồ năm 1996); phía Tây giáp phần đất giao cho ông Đ, bà NH; phía Nam giáp đường xóm; phía Bắc giáp nhà ông Đ2, bà Y nhưng phải có trách nhiệm trích trả cho bà Nguyễn Thị M, NLQ1, NLQ2 số tiền là 600.130.960 đồng (sáu trăm triệu một trăm ba mươi ngàn chín trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về lệ phí xem xét thẩm định, định giá tài sản:

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị NH phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền là 10.441.311đồng (mười triệu bốn trăm bốn một ngàn ba trăm mười một đồng).

Ông Nguyễn Văn Đ2 và bà Nguyễn Thị Y phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền là 6.745.689đồng(sáu triệu bảy trăm bốn năm ngàn sáu trăm tám chín đồng).

### 3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị NH phải chịu 39.867.000đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị NH mỗi người đã nộp 200.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2013/00724 và AA/2013/00725 ngày 13/02/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh. Số tiền án phí ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị NH còn phải nộp sau khi trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.467.000đồng(ba chín triệu bốn trăm sáu bảy ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn Đ2 và bà Nguyễn Thị Y phải chịu 28.005.238 đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận Nguyễn Văn Đ2 và bà Nguyễn Thị Y mỗi người đã nộp 200.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2013/00726 và AA/2013/00727 ngày 13/02/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh. Số tiền án phí ông Nguyễn Văn Đ2 bà Nguyễn Thị Y còn phải nộp sau khi trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.595.238đồng (hai bảy triệu năm trăm chín năm ngàn hai trăm ba tám đồng).

Hoàn trả bà Nguyễn Thị M 9.557.000đồng(chín triệu năm trăm năm bảy ngàn đồng) (gồm 9.157.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2013/00032 ngày 14/10/2013; 200.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2013/00730 ngày 26/02/2015 và 200.000đồng theo biên lai số AA/2013/00729 ngày 26/02/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND thành phố Bắc Ninh;
- Chi cục THADS thành phố Bắc Ninh;
- Các đương sự
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Anh Văn**